

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị B, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp E, xã F, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin vắng mặt ngày 26/4/2022).

- Bị đơn: Anh Tăng Vũ C, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, các biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2022 và ngày 27/4/2022, nguyên đơn, chị Lâm Thị B trình bày: Chị và anh Tăng Vũ C xây dựng hôn nhân vào cuối năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương ngày 30 – 31 tháng 12 năm 2017. Đến năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, ngày 28/10/2019.

Vợ chồng chị chung sống có một con chung tên Tăng Lâm Gia D, sinh ngày 28/10/2019, hiện con đang sống chung với chị và ông bà ngoại tại ấp E, xã F, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống không có tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân

ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh C không lo làm ăn, chơi bời nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 11/3/2021 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Vũ C, không yêu cầu đoàn tụ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị làm công nhân cho xưởng may tư nhân, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, chủ bao ăn ở. Với thu nhập này chị đủ điều kiện để nuôi con.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh Tăng Vũ C để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tăng Vũ C không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của anh Tăng Vũ C đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị B đối với anh Tăng Vũ C, giao con cho chị Lâm Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu, anh C được quyền thăm nom con chung; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Chị Lâm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị B yêu cầu ly hôn với anh Tăng Vũ C, hiện nay anh C đang cư trú tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân

huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lâm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Tăng Vũ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh C theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị B và anh Tăng Vũ C chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã F, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, ngày 28/10/2019. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[5] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng ấp H, xã I, huyện A cho biết chị Lâm Thị B và anh Tăng Vũ C không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Theo chị B xác nhận chị và anh C chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh C không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Mặt khác, anh C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh C đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cuộc sống chung không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C.

[6] Về con chung: Chị Lâm Thị B xác định chị và anh Tăng Vũ C chung sống có một con chung tên Tăng Lâm Gia D (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2019, hiện con đang sống chung với chị và ông bà ngoại tại ấp E, xã F, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tăng Lâm Gia D hiện nay đang sống với chị B, cháu đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ; mặt khác, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu nuôi con của chị B. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Tăng Lâm Gia D cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; do chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị B xác nhận chị và anh Tăng Vũ C chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Lâm Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị B đối với anh Tăng Vũ C. Xử cho chị Lâm Thị B ly hôn với anh Tăng Vũ C.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Tăng Lâm Gia D (Giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2019 cho chị Lâm Thị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu Tăng Lâm Gia D đang sống chung với chị Lâm Thị B nên chị Lâm Thị B được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Tăng Vũ C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lâm Thị B không yêu cầu.

Anh Tăng Vũ C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Lâm Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lâm Thị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000915 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã F, thị xã G, ST;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà Phan Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**